NT 70/2

Máy hút bụi khô ướt NT dòng 70 công suất lớn với dung tích thùng chứa 70L và có thể trang bị tới 3 động cơ. Với lực hút mạnh, máy còn rất ấn tượng với khả năng hút ướt và bụi cứng đầu.



Made in Europe

Mã đặt hàng	1.667-269.0

Thông số kỹ thuật

		4039784725379
Số pha	**Ph**	1
Điện áp	**V**	220 – 240
Tần số	**Hz**	50 – 60
Lưu lượng khí	**l/s**	2 × 74
Lực hút	**mbar / kPa**	254 / 25,4
Dung tích thùng chứa	**l**	70
Vật liệu thùng chứa		Nhựa
Công suất	**W**	Tối đa 2400
Bề rộng quy định theo tiêu chuẩn		ID 40
Chiều dài dây điện	**m**	10
Độ ồn	**dB(A)**	79
Màu sắc		Màu than
Trọng lượng chưa gắn phụ kiện	**Kg**	25,2
Trọng lượng bao gồm bao bì	**Kg**	32,4
Kích thước (D × R × C)	**mm**	720 × 510 × 975

Phạm vi cung cấp

- **Chiều dài ống hút bụi**: 4 m
- **Tay cầm hút bụi**: Nhựa
- **Số lượng thanh hút nối dài**: 2 Unit
- **Chiều dài thanh hút**: 550 mm
- **Chất liệu thanh hút**: Thép không gỉ
- **Chiều rộng bàn hút sàn ướt/khô**: 360 mm
- **Đầu hút khe**
- **Lọc bụi dạng trụ**: Giấy
- **Ống xả**
- **Tay đẩy**

Thiết bị

- **Cản trước chắc chắn**
- **Dạng bảo vệ**: II

NT 70/2, 1.667-269.0, 2026-10-30



Ngăn phụ kiện tích hợp

- Bộ giảm xóc lớn với khoang chứa thiết bị.

Ống xả tích hợp

- Thùng chứa có thể trút bỏ dễ dàng thông qua ống xả. Cực kỳ thiết thực nhờ công suất lắng cực lớn đạt 70 lít.

Tay đẩy an toàn, hiệu quả

- NT 70 có tay đẩy an toàn, hiệu quả giúp máy lăn được.

NT 70/2, 1.667-269.0, 2026-10-30

PHỤ KIỆN CHO NT 70/2
1.667-269.0


1


2


3–5


6


7–9


10


11–13


14

		Mã đặt hàng		
BỘ LỌC CARTRIDGE, TIÊU CHUẨN, BIA C HOẶC LOẠI BỤI M				
Bộ lọc Cartridge giấy				
Lọc trụ giấy	1	6.907-038.0	Bộ lọc trụ giấy (M BIA-C lớp M), thích hợp làm bộ lọc chính cho việc hút khô và ướt.	■
KHỚP UỐN				
Khớp uốn nhựa				
Ống hút cong DN 40	2	2.889-171.0	Ống hút cong cho hệ thống kẹp mới ở kích thước danh định DN 40.	■
Ống hút nhựa cong	3	5.031-718.0	Ống hút nhựa cong (DN 35) với hệ thống kẹp C-35. Dùng cho tất cả các kiểu máy hút bụi khô ướt NT 361 đến NT 611 Eco một động cơ công nghiệp (ngoại trừ NT Eco M và NT Eco H).	☐
Ống hút nhựa cong, dẫn điện	4	5.031-939.0	Ống hút nhựa cong dẫn điện (DN 35) với hệ thống kẹp C-35. Dùng cho tất cả các dòng máy hút bụi khô ướt NT 361 đến NT 611 Eco một động cơ công nghiệp.	☐
	5	5.032-427.0	Ống hút nhựa dẫn điện (DN 40) với hệ thống kẹp C-40, thích hợp cho tất cả các máy hút bụi khô ướt NT.	☐
Khớp uốn, kim loại				
Ống hút cong kim loại	6	6.900-519.0	Ống hút cong bằng kim loại mạ crom, chắc chắn (DN 35), có thể được sử dụng thay cho ống hút nhựa cong (với bộ chuyển đổi hệ thống clip 5.407-112.0; C 35-DN 35, nhựa, el.).	☐
Ống hút cong, thép không gỉ, ID 35	7	6.903-141.0	Thép không gỉ và uốn cong, ID 35	☐
Ống hút cong kim loại	8	6.900-276.0	Ống hút cong bằng kim loại mạ crom, chắc chắn (DN 40), có thể được sử dụng thay cho ống hút nhựa cong (với bộ chuyển đổi hệ thống clip 5.407-111.0; C 40-DN 40, nhựa, el.).	☐
Ống hút cong, thép không gỉ, ID 40	9	6.902-079.0	Thép không gỉ và uốn cong, ID 40	☐
ĐẦU HÚT				
Bàn hút sàn				
Đầu hút sàn khô và ướt Adv	10	2.889-153.0	Đầu hút sàn khô và ướt rộng 360 mm với các miếng chèn, lưỡi hút dễ thay đổi.	■
Đầu hút đa năng khô và ướt	11	6.903-018.0	Đầu hút nhôm đa năng với chiều rộng làm việc 370 mm. Với con lăn bên có thể điều chỉnh độ cao, dải chổi quét (6.903-064.0) và lưỡi cao su chịu dầu (6.903-081.0). Chỉ dành cho máy hút bụi khô và ướt NT.	☐
	12	6.906-383.0	Đầu hút nhôm đa năng với chiều rộng làm việc 450 mm. Với con lăn bên có thể điều chỉnh độ cao, dải chổi quét (6.903-065.0) và lưỡi cao su chịu dầu (6.906-146.0). Chỉ dành cho máy hút bụi khô và ướt NT.	☐
	13	6.906-384.0	Đầu hút nhôm đa năng với chiều rộng làm việc 370 mm. Với con lăn bên có thể điều chỉnh độ cao, dải chổi quét (6.903-064.0) và lưỡi cao su chịu dầu (6.903-081.0). Chỉ dành cho máy hút bụi khô và ướt NT.	☐
Đầu hút sàn khô và ướt	14	2.889-117.0	Đầu hút sàn khô và ướt (DN 40) cho phép thay lưỡi cao su / chổi quét một cách nhanh chóng và lý tưởng cho việc hút bụi ướt các khu vực rộng lớn.	☐

■ Có bao gồm khi giao hàng ☐ Phụ kiện đang có hàng

PHỤ KIỆN CHO NT 70/2
1.667-269.0


15


16


17


18


19


20


21

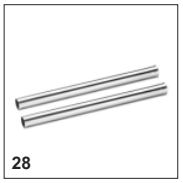

22


23


24


25–26


27


28

		Mã đặt hàng		
ĐẦU HÚT				
Đầu hút khe				
Đầu hút khe DN 40 300mm 1:50	15	5.130-655.0	Đầu phun có kẽ hở bằng nhựa có chiều rộng danh nghĩa DN 40 dùng cho máy hút bụi khô và ướt Kärcher. Đặc biệt thích hợp để hút bụi những khu vực khó tiếp cận như các khớp nối, kẽ hở và ngóc ngách.	■
Đầu hút khe	16	2.889-130.0	Đầu hút khe bằng nhựa	☐
	17	6.900-922.0	Dụng cụ hút khe bằng nhựa (DN 35) để hút bụi trong các kẽ hở và ngóc ngách. Chiều dài: 370 mm.	☐
	18	6.905-817.0	Dụng cụ hút khe bằng kim loại (DN 40) để hút bụi trong các kẽ hở và ngóc ngách. Chiều dài: 400 mm.	☐
Chổi đa năng				
Bàn chải đa nhiệm	19	6.903-863.0	Lông cứng tự nhiên (lông bò), 120 × 45 mm.	☐
Đầu hút vệ sinh xe hơi				
Đầu hút oto, ID 40, 90 mm	20	6.900-952.0	Dụng cụ hút bụi ô tô dạng góc, phẳng, bằng nhựa với chiều rộng làm việc khoảng 90 mm. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	21	2.840-095.0		☐
Đầu hút bề mặt rộng				
Đầu hút rộng	22	4.130-432.0	Hút bụi các Khu vực lớn hơn, chỉ phù hợp với các phiên bản máy hút bụi khô ướt NT 70/1, NT 70/2 hoặc NT 70/3.	☐
Dụng cụ hút cao su, mũi 45 °				
Đầu hút cao su, mũi 45°	23	6.902-104.0	Đầu hút cao su 45 ° (DN 35), chịu dầu và thích hợp cho máy hút bụi. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	24	6.902-105.0	Đầu hút cao su 45 ° (DN 40), chịu dầu và thích hợp cho máy hút bụi. Chỉ dành cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
Đầu hút bụi ống				
Bàn chải ống 35/100	25	6.903-035.0	Nhựa, đường kính ống 100 mm	☐
Bàn chải ống 35/200	26	6.903-036.0	Nhựa, đường kính ống 200 mm	☐
Chổi hút				
Bàn chải hút	27	6.903-887.0	Chổi hút xoay (nhựa DN 32) có lông PA, 70x45 mm. Chỉ dành cho máy hút bụi BV và T.	☐
ỐNG HÚT				
Ống hút, thép không gỉ				
Bộ ống hút bằng thép không gỉ NW40 55	28	2.889-194.0	Bộ ống hút bằng thép không gỉ (2 × 0,55 m)	■

■ Có bao gồm khi giao hàng ☐ Phụ kiện đang có hàng

NT 70/2, 1.667-269.0, 2026-10-30

PHỤ KIỆN CHO NT 70/2
1.667-269.0


29–31


32


33


34


35


36


37


38


39


40


41


42

		Mã đặt hàng		
ỐNG HÚT				
Ống hút, thép không gỉ				
Ống hút	29	6.902-154.0	Ống hút bằng thép không gỉ dài 0,5 m (ID 35) dùng cho máy hút bụi khô ướt. Lý tưởng cho các ứng dụng hút bụi ướt thường xuyên và hút bụi các thành phần ăn mòn.	☐
	30	6.902-081.0	Ống hút bằng thép không gỉ (DN 40, 0,5 m) chỉ thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	31	6.906-531.0	Ống hút bằng thép không gỉ (DN 40, 1 m) chỉ thích hợp cho máy hút bụi NT.	☐
Ống hút, kim loại				
Ống hút	32	6.900-514.0	Ống hút kim loại mạ crom (DN 35, 1x0,5 m), tiêu chuẩn cho hầu như tất cả các máy hút bụi khô ướt công nghiệp NT một động cơ.	☐
Suction hoses with clip system 2.0 (compatible with vacuum cleaners from model year 2017 on)				
Bộ ống hút NW40 4m	33	2.889-138.0	Ống hút 4 m với chốt cài mới và nẹp chặt.	■
Bộ ống dẫn điện NW	34	2.889-137.0	Ống hút 4 m với chốt cài mới và nẹp chặt. Dẫn điện.	☐
Ống hút	35	2.889-139.0	Ống hút với chốt cài mới và kẹp buộc. Chiều dài: 2,5 m.	☐
Ống hút, chống dầu	36	2.889-140.0	Ống hút chịu dầu với chốt cài mới và kẹp buộc. Chiều dài: 4 m.	☐
Ống hút dẫn điện	37	2.889-141.0	Ống hút dẫn điện với chốt cài mới và kẹp buộc. Chiều dài: 4 m.	☐
	38	2.889-142.0	Ống hút dẫn điện với chốt cài mới và kẹp buộc. Chiều dài: 2.5 m.	☐
Ống hút nối dài	39	2.889-146.0	Ống nối dài cho hệ thống kẹp mới ID 40. Chiều dài: 2,5 m.	☐
Bộ sửa chữa ID 40	40	2.889-150.0	Bộ sửa chữa ID 40 cho hệ thống kẹp mới.	☐
Kết nối ống				
Bộ chuyển đổi, ID 32/35, với ren trong	41	6.902-077.0	Bộ chuyển đổi không dẫn điện có ren trong. Để kết nối hai ống hút không có đầu nối. Thích hợp cho DN 32 hoặc DN 35.	☐
Bộ chuyển đổi, ID 40, với ren trong	42	6.900-286.0	Bộ chuyển đổi không dẫn điện có ren vít ở hai đầu. Dùng để nối 2 ống hút DN 40 không có đầu nối.	☐

■ Có bao gồm khi giao hàng ☐ Phụ kiện đang có hàng

PHỤ KIỆN CHO NT 70/2
1.667-269.0


43


44


45


46


47


48–49


50, 52–53


51


54


55


56

		Mã đặt hàng		
ỐNG HÚT				
Suction hoses with clip system 1.0 (compatible with vacuum cleaners up to model year 2016)				
Bộ sửa chữa, C 40	43	2.639-873.0	Bộ sửa chữa (C40) bao gồm các bộ điều hợp ống ren (không có bộ chuyển đổi chốt cài) cho máy hút bụi khô ướt NT công nghiệp với hệ thống kẹp.	☐
Ống hút nối dài	44	6.906-344.0	Ống nối dài tiêu chuẩn không dẫn điện 2,5 m cho tất cả các ống C-40 có hệ thống kẹp.	☐
Ống hút + đầu nối ID 40	45	4.440-784.0	Ống hút 16 m (C-DN 40) với chốt cài và bộ chuyển đổi thẳng.	☐
Ống hút	46	6.906-279.0	Ống hút tiêu chuẩn 10 m không uốn cong và bộ chuyển đổi có chốt cài ở đầu hút chân không và kết nối kẹp C 40 ở đầu phụ kiện.	☐
	47	6.906-321.0	Ống hút 4 m không uốn cong và bộ chuyển đổi có gắn chốt cài và kết nối kẹp C 40	☐
	48	6.906-635.0	Với chốt cài và kết nối kẹp.	☐
	49	6.906-877.0	Ống hút có khớp nối dạng chốt cài, dẫn điện.	☐
Suction hoses with cone connection				
Ống hút, hoàn chỉnh	50	4.440-263.0	Ống hút tiêu chuẩn 4.0m không dẫn điện với chốt cài ở đầu chân không và côn DN 40 ở đầu phụ kiện.	☐
	51	4.440-303.0	Chống dầu	☐
	52	4.440-463.0	Ống hút tiêu chuẩn 10.0m không dẫn điện với chốt cài ở đầu chân không và côn DN 40 ở đầu phụ kiện.	☐
	53	4.440-466.0	dẫn điện, 10.0m, ID 40	☐
Ống hút, hoàn chỉnh, chống dầu	54	4.440-612.0	Chống dầu	☐
Ống hút hoàn chỉnh	55	4.440-264.0	Ống hút tiêu chuẩn dài 4 m với đầu nối chốt cài DN 61 ở đầu thiết bị và đầu nối hình côn DN 61 ở đầu phụ kiện.	☐
	56	4.440-328.0	Ống công nghiệp, PVC / chất đàn hồi với xoắn thép, bên trong nhẵn	☐

☐ Phụ kiện đang có hàng

KÄRCHER

PHỤ KIỆN CHO NT 70/2
1.667-269.0

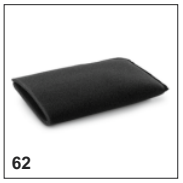

57


58


59


60


61


62


63


64

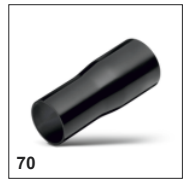

65


66


67


68


69


70

		Mã đặt hàng		
ỐNG HÚT				
Suction hoses with cone connection				
Ống hút hoàn chỉnh	57	4.440-467.0	Ống hút tiêu chuẩn dài 10 m với đầu nối chốt cài DN 61 ở đầu thiết bị và đầu nối hình côn DN 61 ở đầu phụ kiện.	☐
Ống hút hoàn chỉnh, chống dầu	58	4.440-613.0	Chống dầu.	☐
Ống hút hoàn chỉnh. Dẫn điện	59	4.440-616.0	Dẫn điện	☐
FILTER BAGS				
Túi lọc vải bông				
Túi lọc lông cừu, 5 Unit, NT 65, NT 70, NT 72, NT 75, NT 90	60	2.885-753.0	Túi lọc lông cừu ba lớp lớn, chống rách, dùng cho tất cả các máy hút bụi khô và ướt hai động cơ của Kärcher. Được chứng nhận theo cấp độ bụi M, phù hợp với kích thước thùng chứa từ 65 đến 75 lít.	☐
Túi lọc giấy				
Túi lọc bụi, 5 Unit, NT 48, NT 65, NT 70, NT 72, NT 75, NT 80, WET VAC	61	6.904-285.0	Túi lọc giấy chống rách 3 lớp – BIA- (U, S, G, C) loại M – phù hợp với tất cả các kiểu máy hút bụi khô ướt NT 48/1, NT 65/2 Eco + Me và NT 72/2 Eco Tc. Số lượng: x5	☐
BỘ LỌC T/NT				
Bộ lọc bụi thô để hút ẩm				
Lọc bọt	62	2.889-083.0	Không phù hợp cho hút bụi khô	☐
Túi lọc ẩm				
Túi lọc ướt	63	6.904-252.0	Sử dụng cho bụi loại L, làm sạch tổng quát, khô và ướt, chống rách	☐
Bộ lọc vải				
Màng lọc, NT 65, NT 70, NT 72, NT 75, NT 551, NT 602, NT 700, NT 702, NT 802, NT 993	64	6.904-282.0	Màng lọc/ vải sợi Polyester lông cừu kim – BIA-C -, có thể giặt đến 40°C, sợi kim loại để nối đất. Thích hợp cho hầu như tất cả các máy hút bụi khô ướt NT hai động cơ công nghiệp.	☐
CONNECTING SLEEVES				
Bộ dụng cụ tiếp hợp chữ Y				
Bộ chuyển đổi chữ Y	65	2.637-217.0	Đầu chuyển đổi nhựa – thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
Bộ tiếp hợp kết nối C ID (kẹp trên dầu), dẫn điện				
Kết nói hình nón NW35	66	5.407-005.0	Hệ thống kẹp bộ chuyển đổi DN 35 để kết nối ống hút và đầu phun nhỏ với hình nón DN 35. Hoàn hảo cho việc vệ sinh nội thất xe, ngay cả khi không có kết nối của các đầu phun khác.	☐
Kết nói hình nón NW40	67	5.407-006.0	Để kết nối các đầu phun nhỏ và ống hút với hình nón DN 40: Hệ thống kẹp bộ chuyển đổi DN 40. Lý tưởng cho các công việc làm sạch nội thất xe mà không cần kết nối thêm các đầu phun khác.	☐
Đầu nối C DN 35	68	5.407-112.0	Đầu nối ống C 35 cho phụ kiện DN 35, dẫn điện.	☐
Ống hơi thu ngắn				
Bộ giảm tốc	69	5.407-108.0	Bộ giảm tốc ren – từ C-40 đến DN 35. Thích hợp cho máy hút bụi khô ướt NT.	☐
	70	6.902-017.0	Bộ giảm tốc để mở rộng phụ kiện. Lý tưởng cho các phụ kiện có hình nón kết nối DN 35 kết hợp với các phụ kiện có hình nón kết nối DN 40.	☐

☐ Phụ kiện đang có hàng

PHỤ KIỆN CHO NT 70/2
1.667-269.0


71


72


73


74


75


76


77


78

		Mã đặt hàng		
CONNECTING SLEEVES				
Ống hơi thu ngắn				
Ống lót giảm	71	5.407-113.0	Bộ giảm tốc (C 40 đến C 35) để kết nối các phụ kiện có đầu nối kẹp C-35 với ống hút có hệ thống kẹp C 40.	☐
Bộ giảm tốc từ ID 35 đến ID 32	72	6.902-072.0	Bộ giảm tốc với hình nón kết nối bên trong DN 32. Lý tưởng cho các phụ kiện từ dòng máy hút bụi công nghiệp kết hợp với máy hút bụi khô ướt công nghiệp NT.	☐
BỘ PHỤ KIỆN CHUYÊN DỤNG THEO NHÓM MỤC TIÊU CHO MÁY HÚT BỤI				
Bộ vệ sinh công nghiệp	73	2.637-353.0	Các bộ phận riêng lẻ: Ống hút 4 m (4.440-263.0), uốn cong, kim loại (6.900-276.0), ống hút 2 × 0,5 m, kim loại (6.900-275.0), vòi hút vừa (6.903-033.0), vòi hút sàn có con lăn (6.903 -051.0).	☐
Bộ phụ kiện làm sạch xe	74	2.862-166.0	Các đầu hút cụ thể DN 35 để làm sạch nội thất xe, lớp bọc và đồ đạc.	☐
Bộ Swarf	75	2.640-760.0	Bộ kết nối mạnh mẽ cụ thể DN 61 để làm sạch cùng với ống hút chống dầu và đầu hút cao su.	☐
PHỤ KIỆN KHÁC NT				
CS 40 Me	76	2.863-026.0	Bộ chuẩn bị trước lốc xoáy CS 40 Me hiệu quả cao cho tất cả các máy hút bụi khô ướt của Kärcher là một phụ kiện được thiết kế đặc biệt cho các ứng dụng bụi mịn trên các công trường xây dựng hoặc trong công nghiệp.	☐
Kết nối bộ chuyển đổi, dẫn điện	77	5.031-436.0	Bộ đổi điện đa năng, dẫn điện để kết nối các ống NT cũ có chiều rộng danh nghĩa DN 35, 40, 50 với hệ thống phụ kiện mới dành cho máy hút bụi khô và ướt của Kärcher.	☐
PHỤ KIỆN KHÁC CHO BR/ BD				
Khác				
Cáp kéo dài	78	6.647-022.0	Cáp kéo dài, 20 m, 3x1,5 mm². Với phích cắm chân tiếp đất chống văng nước, giảm căng thẳng và chống gấp khúc.	☐

☐ Phụ kiện đang có hàng